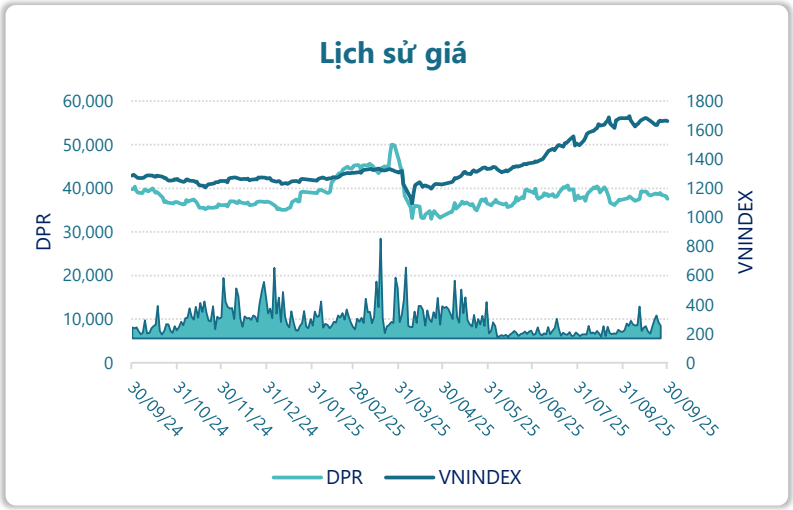
FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**37,550**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,990
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	433,585
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,263
P/E	8.9
EPS	4,203

DT thuần

Q3/25

482

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 280| 139%

YoY: ▲ 134| 38.6%

LN sau thuế

Q3/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 150%

YoY: ▲ 93.8| 153%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

39.8%

+/- YoY: ▲ 19.7%

DT thuần

9T 2025

886

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118| 15.5%

LN sau thuế

9T 2025

293

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.0| 44.4%

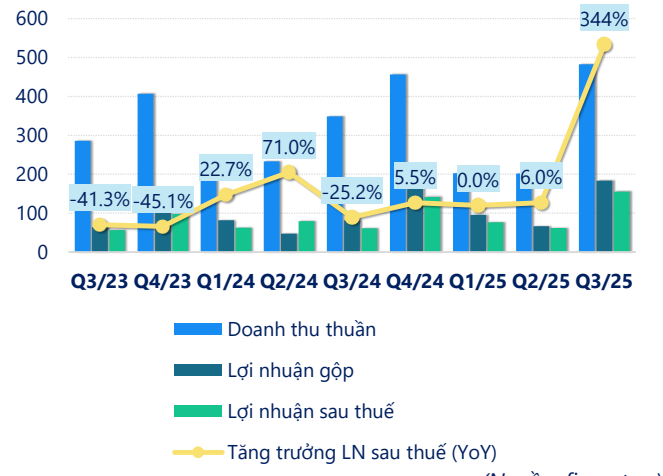
ROE

Q3/25

11.1%

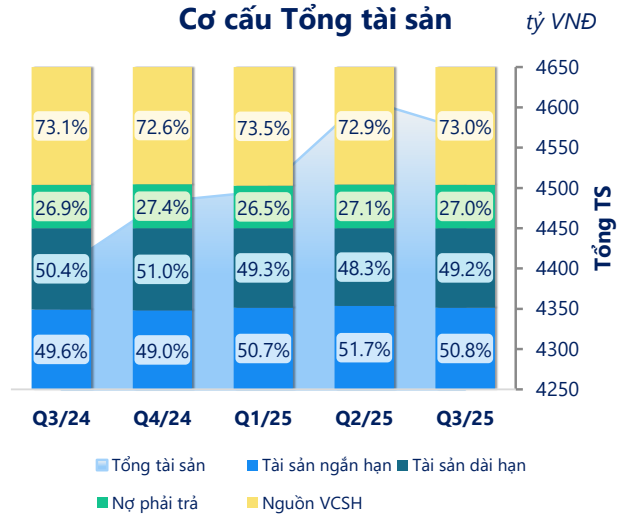
+/- YoY: ▲ 3.1%

Kết quả kinh doanh



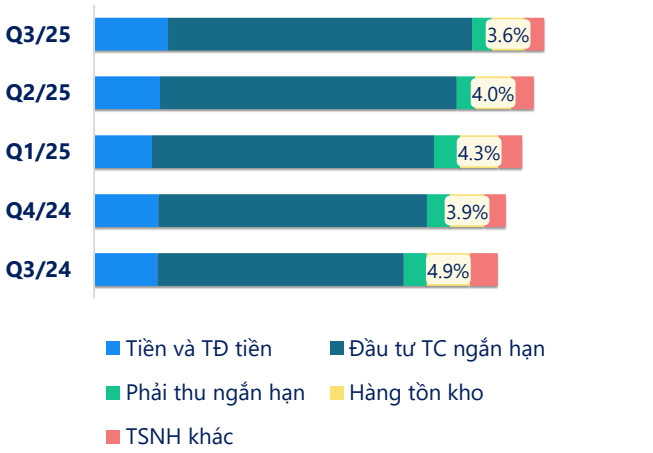
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



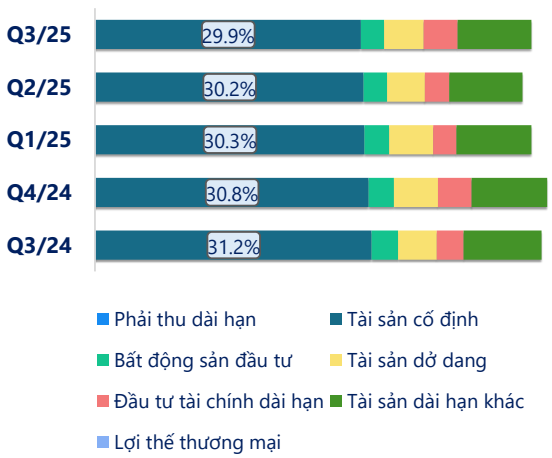
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



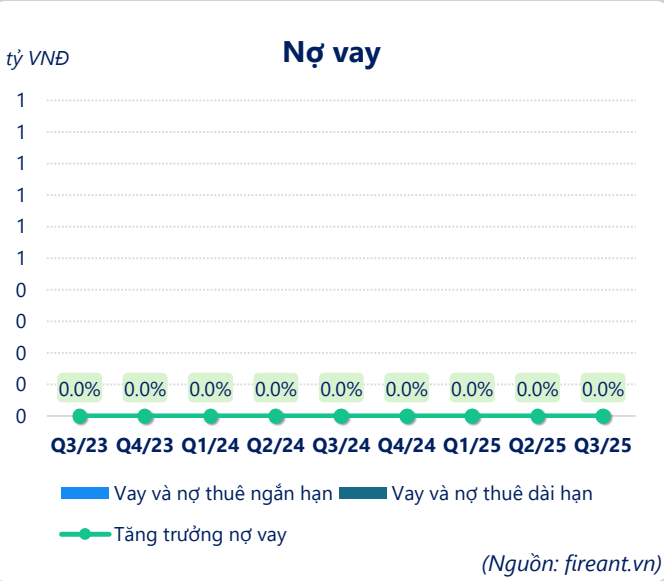
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



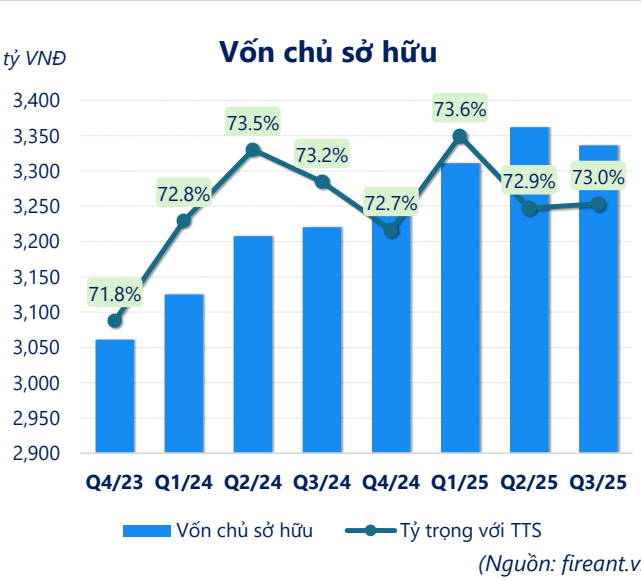
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



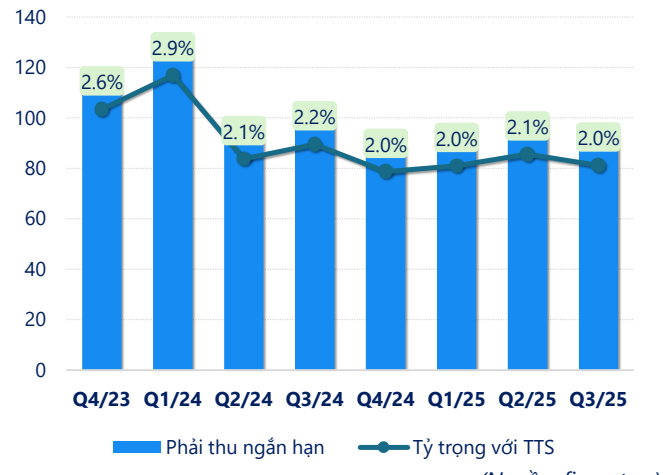
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



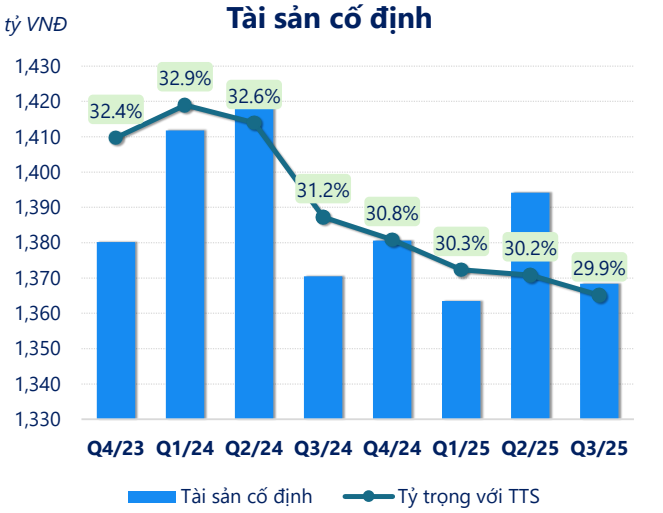
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



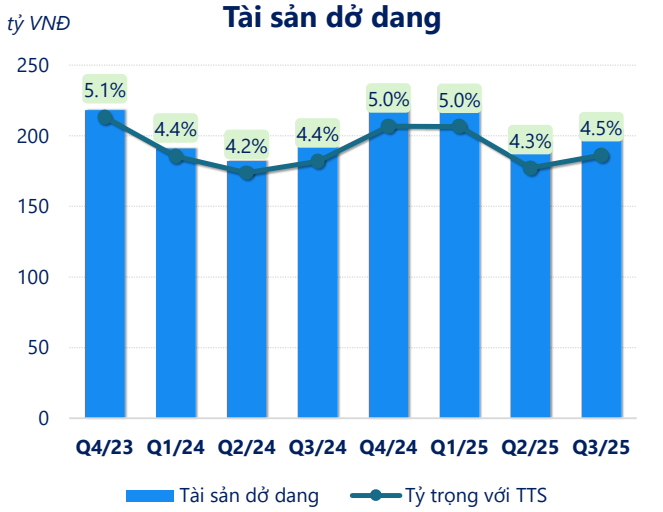
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



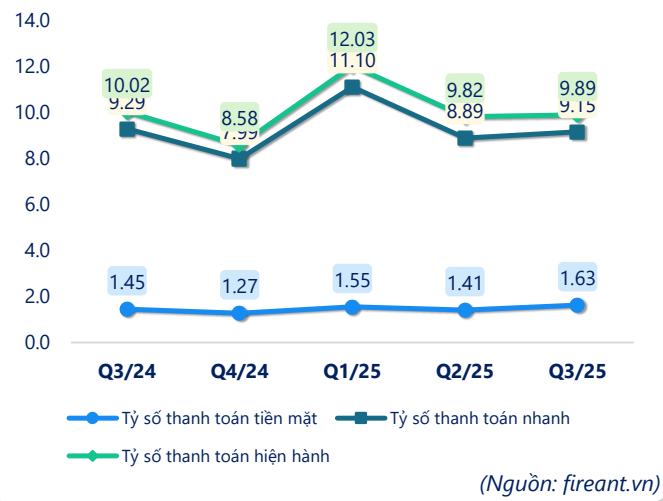
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



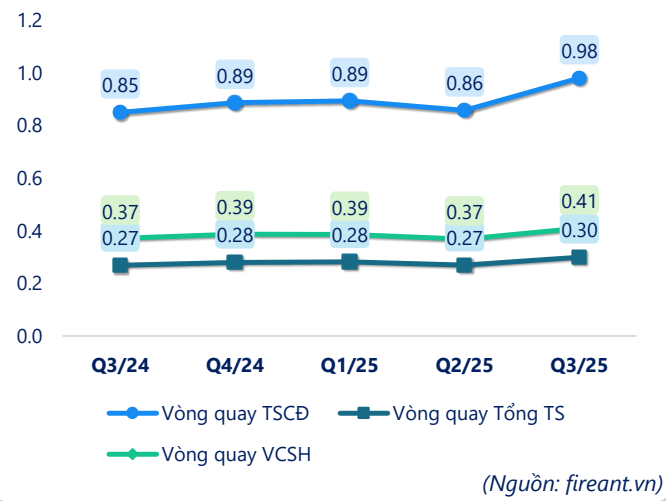
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,400**	**4,483**	**4,496**	**4,610**	**4,572**
Tài sản ngắn hạn	**2,183**	**2,195**	**2,282**	**2,385**	**2,321**
Tiền và tương đương tiền	316	326	294	343	382
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,510	1,545	1,644	1,621	1,608
Phải thu ngắn hạn	98.5	88.2	91.1	98.6	92.8
Hàng tồn kho	160	151	175	227	173
Tài sản ngắn hạn khác	99.0	86.5	77.6	95.8	65.1
Tài sản dài hạn	**2,217**	**2,288**	**2,214**	**2,224**	**2,251**
Phải thu dài hạn	3.54	3.60	3.62	3.67	3.67
Tài sản cố định	1,370	1,381	1,363	1,394	1,368
Bất động sản đầu tư	131	129	125	122	119
Tài sản dở dang	192	222	223	196	204
Đầu tư tài chính dài hạn	132	170	118	127	175
Tài sản dài hạn khác	387	383	381	381	380
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,184**	**1,228**	**1,190**	**1,248**	**1,236**
Nợ ngắn hạn	**218**	**256**	**190**	**243**	**235**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	9.28	5.79	13.8	8.52	5.98
Nợ dài hạn	967	972	1,000	1,005	1,001
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,215**	**3,255**	**3,306**	**3,362**	**3,336**
Vốn chủ sở hữu	**3,220**	**3,260**	**3,311**	**3,362**	**3,336**
Vốn điều lệ	869	869	869	869	869
Kinh phí và quỹ khác	-4.87	-4.94	-4.94	-0.27	-0.27

(Nguồn: fireant.vn)